| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LONG BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 4230 /QĐ-UBND | *Long Biên, ngày 31 tháng 10 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều hòa, điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán thuộc Quận và hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các ngành, đơn vị năm 2024**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 24/10/2024 của HĐND quận Long Biên về việc điều hòa, điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán thuộc Quận và hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các ngành, đơn vị năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Điều hòa, điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các đơn vị thuộc Quận và hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các ngành, đơn vị năm 2024. Cụ thể:

**1. Điều hòa kinh phí**

Điều hòa dự toán chi ngân sách UBND quận giao năm 2024 tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 cho phòng Lao động Thương binh & Xã hội quận, số tiền: 1.650.000.000 đồng, để cân đối giữa các nhiệm vụ chi được giao đảm bảo thực hiện hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế phát sinh.

*(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)*

**2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách**

Điều chỉnh giảm dự toán chi UBND quận Long Biên đã giao cho các phòng ban, ngành, Đảng đoàn thể, UBND các phường và điều chỉnh giảm nguồn kinh phí chưa phân bổ; kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị nhưng không còn nhu

cầu, đối tượng chi, số tiền: 19.948.498.000 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)*

**3. Bổ sung, hỗ trợ kinh phí**

Bổ sung và hỗ trợ kinh phí cho các phòng ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị để đáp ứng nhu cầu, định mức chi và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, số tiền: 31.941.000.000 đồng *(Ba mươi mốt tỷ, chín trăm bốn mươi mốt triệu đồng chẵn)*. Cụ thể:

- Bổ sung kinh phí cho các phòng ban, ngành, đoàn thể, các trường học công lập thuộc quận, số tiền: 27.001.000.000 đồng.

- Hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các ngành, các đơn vị khác, số tiền: 4.940.000.000 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)*

*** Nguồn kinh phí:**

- Cân đối từ điều chỉnh giảm dự toán của các phòng ban, đơn vị dự toán và từ nguồn điều hành chưa phân bổ *(không bao gồm khối trường học)*, số tiền: 19.948.498.000 đồng.

- Bổ sung từ kết dư ngân sách năm 2023 chuyển sang 2024 *(Phần tăng thu ngân sách chưa sử dụng)* để thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, số tiền: 11.992.502.000 đồng.

**Điều 2.** Các đơn vị được điều hòa, điều chỉnh và bổ sung, hỗ trợ kinh phí ghi tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm lập dự toán điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách theo quy định; Sử dụng kinh phí theo đúng chế độ, định mức; thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- TT HĐND-UBND quận;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Hà**

**Phụ lục 01**

# BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU HÒA KINH PHÍ NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số: 4230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND quận Long Biên)*

*Đơn vị: 1.000 đồng*

| SỐ TT | NỘI DUNG, ĐƠN VỊ | Dự toán 2024 | Điều chỉnh | | Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tăng | Giảm | | |
| **1** | **Điều hòa dự toán chi tại đơn vị năm 2024 (Phòng Lao động Thương binh & Xã hội)** | **33.016.000** | **1.650.000** | **1.650.000** | **33.016.000** | |
| ***1.1*** | ***Điều chỉnh giảm kinh phí đã giao tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023*** | ***6.046.000*** | ***0*** | ***1.650.000*** | ***4.396.000*** | |
| | Chi mai táng phí đối tượng BTXH | 2.904.000 | | 900.000 | 2.004.000 | |
| | Chi mai táng phí đối tượng theo QĐ 290 | 180.000 | | 90.000 | 90.000 | |
| | Chi mai táng phí Cựu chiến binh và TC hàng tháng TNXP | 540.000 | | 180.000 | 360.000 | |
| | Mai táng phí đối tượng tham gia BVTQ làm NV ở Campuchia và Lào | 672.000 | | 280.000 | 392.000 | |
| | Mai táng phí cho NCC và thân nhân theo Nghị quyết 24/2022 của HĐND TPHN | 1.750.000 | | 200.000 | 1.550.000 | |
| ***1.2*** | ***Điều chỉnh tăng (cân đối từ kinh phí điều chỉnh giảm tại Mục 1.1)*** | ***26.970.000*** | ***1.650.000*** | ***0*** | ***28.620.000*** | |
| | Chi đảm bảo xã hội cho các đối tượng (Chi chế độ hàng tháng) | 26.500.000 | 1.600.000 | | 28.100.000 | |
| | Chi tặng quà cho trẻ em có HC ĐBKK nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6 và trung thu | 470.000 | 50.000 | | 520.000 | |

**PHỤ LỤC 02**

# BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số: 4230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND quận Long Biên)*

*Đơn vị: 1.000 đồng*

| SỐ TT | NỘI DUNG, ĐƠN VỊ | Dự toán 2024 | Điều chỉnh | | Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tăng | Giảm | | |
| **Tổng cộng (=I+II)** | | **55.470.598** | **0** | **19.948.498** | **35.522.100** | |
| **I** | **Điều chỉnh giảm kinh phí đã giao cho các đơn vị tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 nhưng không còn nhu cầu, đối tượng chi** | **13.930.000** | **0** | **2.120.000** | **11.810.000** | |
| 1 | Văn phòng HĐND&UBND | 3.200.000 | 0 | 690.000 | 2.510.000 | |
| - | *Kinh phí duy trì trang thiết bị phòng họp* | *100.000* | | *100.000* | *0* | |
| - | *Kinh phí Duy trì vệ sinh và thuê Bảo vệ cơ quan* | *1.600.000* | | *170.000* | *1.430.000* | |
| 2 | Phòng Tư pháp | 260.000 | 0 | 185.000 | 75.000 | |
| - | *Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung cấp phiếu Lý lịch Tư pháp trên địa bàn Quận (Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)* | *100.000* | | *100.000* | *0* | |
| - | *Kinh phí tổ chức, tham gia các cuộc thi tuyên truyền, phổ biến GDPL* | *160.000* | | *85.000* | *75.000* | |
| 3 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng | 1.500.000 | 0 | 200.000 | 1.300.000 | |
| - | *Kinh phí thực hiện Đề án "Ứng dụng CNTT trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, hướng tới chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2206 năm 2024* | *1.500.000* | | *200.000* | *1.300.000* | |
| 4 | Phòng Lao động Thương binh & Xã hội | 980.000 | 0 | 300.000 | 680.000 | |
| - | *Hỗ trợ một số nội dung theo NQ số 17/2021/NQ-HĐND (hỗ trợ hàng tháng, học phí, CP học tập, BHYT)* | *980.000* | | *300.000* | *680.000* | |
| 5 | Văn phòng Quận ủy | 6.740.000 | 0 | 340.000 | 6.400.000 | |
| - | *Kinh phí đảm bảo chế độ chính sách theo Quy định của TW, TP (Trợ cấp cán bộ lão thành CM bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; Quà tết nguyên đán cho cán bộ chính sách; trao tặng Huy hiệu Đảng, gặp mặt lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt.....* | *1.090.000* | | *90.000* | *1.000.000* | |
| - | *Kinh phí đảm bảo hoạt động chung của Quận ủy* | *500.000* | *0* | *200.000* | *300.000* | |
| - | *Kinh phí đặc thù công tác Đảng* | *5.150.000* | *0* | *50.000* | *5.100.000* | |
| 6 | Phòng Giáo dục & đào tạo | 1.150.000 | 0 | 305.000 | 845.000 | |
| - | *Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/NĐ-CP (thay thế NĐ 86/2025) cho học sinh Mầm non, Tiểu học và THCS* | *700.000* | | *275.000* | *425.000* | |
| - | *Kinh phí hỗ trợ các CSGD MN dân lập, tư thục có bố mẹ là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp (Theo NQ 08/2020/NQ-HĐND thực hiện NĐ 105/2020/NĐ-CP)* | *450.000* | | *30.000* | *420.000* | |
| **II** | **Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí chưa phân bổ; kinh phí đã phân bổ từ đầu năm, bổ sung trong năm cho các đơn vị nhưng không còn nhu cầu, đối tượng chi** | **41.540.598** | **0** | **17.828.498** | **23.712.100** | |
| 1 | Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024 cho Công đoàn cơ quan UBND quận | 350.000 | | 100.000 | 250.000 | |
| 2 | Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024 cho Ban chỉ huy quân sự cơ quan Dân Đảng | 40.000 | | 40.000 | 0 | |

| SỐ TT | NỘI DUNG, ĐƠN VỊ | Dự toán 2024 | Điều chỉnh | | Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tăng | Giảm | | |
| 3 | Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024 cho Đoàn thanh niên cơ quan UBND quận | 100.000 | | 100.000 | 0 | |
| 4 | Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024 cho Đoàn thanh niên cơ quan Dâng Đảng | 50.000 | | 50.000 | 0 | |
| 5 | Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024 cho Bảo hiểm xã hội quận | 100.000 | | 100.000 | 0 | |
| 6 | Kinh phí quà tết nguyên đán cho các đối tượng chính sách và hưu trí theo quy định | 17.500.000 | | 476.300 | 17.023.700 | |
| 7 | Kinh phí chi các Chương trình cấp ủy năm 2024 | 3.000.000 | | 541.600 | 2.458.400 | |
| 8 | Kinh phí mua sắm tài sản trang thiết bị (KP mua sắm trang thiết bị cho các trường học thuộc quận - Bố trí trong định mức sự nghiệp giáo dục) | 10.200.598 | | 10.200.598 | 0 | |
| 9 | Kinh phí tổ chức ngày hội vì an ninh Tổ quốc (Hỗ trợ cho đơn vị làm điểm) | 200.000 | | 50.000 | 150.000 | |
| 10 | Kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng thực hiện quản lý TTĐT trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2021-2025" năm 2024 | 10.000.000 | 0 | 6.170.000 | 3.830.000 | |
| 10.1 | Nguồn kinh phí còn dư chưa phân bổ | 5.316.000 | | 5.316.000 | 0 | |
| 10.2 | Kinh phí đã phân bổ | 4.684.000 | 0 | 854.000 | 3.830.000 | |
| - | *Công an quận* | *600.000* | | *600.000* | *0* | |
| - | *Phòng Quản lý đô thị* | *120.000* | | *76.800* | *43.200* | |
| - | *Phường Việt Hưng* | *308.000* | | *23.600* | *284.400* | |
| - | *Phường Giang Biên* | *273.000* | | *0* | *273.000* | |
| - | *Phường Bồ Đề* | *410.000* | | *0* | *410.000* | |
| - | *Phường Long Biên* | *239.000* | | *0* | *239.000* | |
| - | *Phường Sài Đồng* | *273.000* | | *0* | *273.000* | |
| - | *Phường Đức Giang* | *410.000* | | *40.700* | *369.300* | |
| - | *Phường Ngọc Lâm* | *410.000* | | *6.600* | *403.400* | |
| - | *Phường Ngọc Thuỵ* | *308.000* | | *51.100* | *256.900* | |
| - | *Phường Phúc Lợi* | *171.000* | | *32.000* | *139.000* | |
| - | *Phường Phúc Đồng* | *171.000* | | *0* | *171.000* | |
| - | *Phường Thượng Thanh* | *239.000* | | *0* | *239.000* | |
| - | *Phường Thạch Bàn* | *273.000* | | *0* | *273.000* | |
| - | *Phường Cự Khối* | *137.000* | | *23.200* | *113.800* | |
| - | *Phường Gia Thuỵ* | *342.000* | | *0* | *342.000* | |

**PHỤ LỤC 03**

# BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC QUẬN NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số: 4230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND quận Long Biên)*

*Đơn vị: 1000 đồng*

| SỐ TT | NỘI DUNG, ĐƠN VỊ | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **Tổng cộng (=I+II)** | | **31.941.000** | |
| **I** | **Bổ sung kinh phí** | **27.001.000** | |
| **I.1** | **Nhiệm vụ phát sinh** | **2.437.000** | |
| 1 | Phòng Tư pháp | 85.000 | |
| - | *Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tăng cường, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 21/7/2023 của UBND quận Long Biên* | *85.000* | |
| 2 | Chi cục thống kê quận Long Biên | 57.000 | |
| - | *Kinh phi thực hiện điều tra thu nhập bình quân đầu người 01 tháng cấp huyện năm 2024 (Thực hiện theo Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội)* | *57.000* | |
| 3 | Hội chữ thập đỏ quận Long Biên | 60.000 | |
| - | *Kinh phí tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Hội chữ thập đỏ quận Long Biên (17/11/2004 - 17/11/2024) gắn với mit tinh kỷ niêm ngày thành lập Hội chữ thập đỏ Việt Nam 23/11* | *60.000* | |
| 4 | Ban Quản lý dự án ĐTXD quận | 2.235.000 | |
| - | *Kinh phí cải tạo sửa chữa chống xuống cấp các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn quận Long Biên năm 2020 (Phần kinh phí thực hiện quyết toán dự án hoàn thành)* | *1.683.000* | |
| - | *Kinh phí cải tạo sửa chữa khu nhà NO15, NO16 phường Thượng Thanh quận Long Biên (Phần kinh phí thực hiện quyết toán dự án hoàn thành)* | *552.000* | |
| **I.2** | **Nhiệm vụ đã được giao dự toán nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu** | **24.564.000** | |
| 1 | Phòng Nội vụ | 70.000 | |
| - | *Kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương 2024* | *70.000* | |
| 2 | Thanh tra quận | 76.000 | |
| - | *Kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương 2024* | *76.000* | |
| 3 | Phòng Quản lý đô thị | 800.000 | |

| SỐ TT | NỘI DUNG, ĐƠN VỊ | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| - | Kinh phí thực hiện công tác đánh số, gắn biển số nhà, biển ngõ công, cấp giấy chứng nhận số nhà trên địa bàn quận Long Biên năm 2024 | *800.000* | |
| 4 | Trung tâm phát triển quỹ đất quận | 21.100.000 | |
| - | Kinh phí chi sự nghiệp môi trường năm 2024 (Gói thầu duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn quận giai đoạn 2021-2025) | *7.000.000* | |
| - | Kinh phí duy tu, duy trì hệ thống vườn hoa, cây xanh theo phân cấp | *5.000.000* | |
| - | Kinh phí thực hiện các gói thầu duy tu, duy trì tiếp nhận bàn giao từ Thành phố | *9.100.000* | |
| | *+ Cây xanh* | *-350.000* | |
| | *+ Chiếu sáng* | *1.300.000* | |
| | *+ Thoát nước* | *8.150.000* | |
| 5 | Khối trường học | 2.518.000 | |
| **II** | **Hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các ngành, các đơn vị khác** | **4.940.000** | |
| 1 | Hội người khuyết tật quận Long Biên | 40.000 | |
| - | *Hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024* | *40.000* | |
| 2 | Bảo hiểm xã hội quận Long Biên | 3.900.000 | |
| - | *Hỗ trợ kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội* | *1.000.000* | |
| - | *Hỗ trợ kinh phí cho người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện* | *900.000* | |
| - | *Hỗ trợ 30% kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế học sinh* | *1.900.000* | |
| - | *Hỗ trợ kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế cho đối tượng tuất (Người đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng)* | *100.000* | |
| 3 | Quỹ thi đua khen thưởng quận Long Biên | 1.000.000 | |
| - | *Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án "Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn quận Long Biên giai đoạn 2021-2026" theo Quyết định số 4333/QĐ-BND ngày 30/7/2021 của UBND quận Long Biên* | *1.000.000* | |

**PHỤ LỤC 3.1**

# BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2024 - KHỐI TRƯỜNG HỌC

*(Kèm theo Quyết định số: 4230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND quận Long Biên)*

*Đơn vị:1000 đồng*

| TT | TÊN ĐƠN VỊ | SỐ TIỀN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **TỔNG CỘNG** | **2.518.000** | |
| **I** | **Điều chỉnh giảm kinh phí** | **-1.510.000** | |
| ***A*** | ***Khối Mầm non*** | ***-1.133.000*** | |
| 1 | Mầm non Bồ Đề | -56.000 | |
| 2 | Mầm non Gia Thượng | -147.000 | |
| 3 | Mầm non Giang Biên | -137.000 | |
| 4 | Mầm non Hoa Anh Đào | -93.000 | |
| 5 | Mầm non Hoa Sữa | -159.000 | |
| 6 | Mầm non Hồng Tiến | -59.000 | |
| 7 | Mầm non Phúc Đồng | -113.000 | |
| 8 | Mầm non Tràng An | -178.000 | |
| 9 | Mầm non Thạch Bàn | -191.000 | |
| ***B*** | ***Khối Tiểu học*** | ***-290.000*** | |
| 1 | Tiểu học Đoàn Kết | -130.000 | |
| 2 | Tiểu học Gia Thụy | -58.000 | |
| 3 | Tiểu học Long Biên | -102.000 | |
| ***C*** | ***Khối THCS*** | ***-87.000*** | |
| 1 | THCS Việt Hưng | -87.000 | |
| **II** | **Bổ sung kinh phí** | **4.028.000** | |
| ***A*** | ***Khối Mầm non*** | ***1.133.000*** | |
| 1 | Mầm non Hoa Mộc Lan | 122.000 | |
| 2 | Mầm non Hoa Trạng Nguyên | 260.000 | |
| 3 | Mầm non Nguyệt Quế | 189.000 | |
| 4 | Mầm non Bắc Cầu | 108.000 | |
| 5 | Mầm non Hoa Sen | 90.000 | |
| 6 | Mầm non Tân Mai | 95.000 | |
| 7 | Mầm non Thạch Cầu | 70.000 | |
| 8 | Mầm non Thượng Thanh | 104.000 | |
| 9 | Mầm non Việt Hưng | 95.000 | |
| ***B*** | ***Khối Tiểu học*** | ***1.440.000*** | |
| 1 | Tiểu học Ái Mộ A | 206.000 | |
| 2 | Tiểu học ĐT Việt Hưng | 207.000 | |
| 3 | Tiểu học Gia Quất | 464.000 | |
| 4 | Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm | 399.000 | |
| 5 | Tiểu học Thạch Bàn A | 164.000 | |
| ***C*** | ***Khối THCS*** | ***1.455.000*** | |
| 1 | THCS Nguyễn Gia Thiều | 380.000 | |
| 2 | THCS Gia Quất | 207.000 | |
| 3 | THCS Giang Biên | 226.000 | |
| 4 | THCS Lê Quý Đôn | 213.000 | |
| 5 | THCS Long Biên | 250.000 | |
| 6 | THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm | 87.000 | |
| 7 | THCS Phúc Lợi | 92.000 | |